**Phụ lục**

**BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI TỈNH LAI CHÂU GIAI ĐOẠN 2026-2030**

*(Kèm theo Quyết định số: 58/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh Lai Châu)*

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| 1 | Quy hoạch | 1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch | Có quy hoạch chung xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn. Trường hợp phạm vi quy hoạch xã nằm hoàn toàn trong phạm vi quy hoạch của khu kinh tế, khu du lịch quốc gia thì đạt tiêu chí có quy hoạch khi quy hoạch chung khu kinh tế, khu du lịch quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn. | | | Sở Xây dựng |
| | | 1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới | Có quy hoạch chi tiết cụ thể hóa quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch phân khu (nếu có) được cấp có thẩm quyền phê duyệt. | | Không quy định | Sở Xây dựng |
| | | 1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã | Có quy chế quản lý kiến trúc hoặc nội dung quy hoạch chung xã có tích hợp quy chế quản lý kiến trúc | | Không quy định | Sở Xây dựng |
| 2 | Hạ tầng kinh tế - xã hội | 2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt ≥50%; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa | Đảm bảo các nội dung sau: | Đảm bảo các nội dung sau: | Đảm bảo các nội dung sau: | Sở Xây dựng |
| | | | - Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định; | - Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định; | - Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định; | Sở Xây dựng |
| | | | - Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt; | - Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt; | - Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt; | |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| | | | - Có 100% đường xã đạt cấp kỹ thuật đường đô thị; | - Có 100% đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B đường giao thông nông thôn; | - Có 100% đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B đường giao thông nông thôn; | Sở Xây dựng |
| | | | - Có tối thiểu 50% chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường; | - Có tối thiểu 50% chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường; | - Có tối thiểu 50% km chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường. - Có đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa). | |
| | | | - Có 100% đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa); | - Có tối thiểu 90% đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa) | - Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm. | |
| | | | - Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm. | - 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm. | | |
| | | 2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động | - Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm; | - Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm; | - Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm; | Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| | | | - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ ≥90%; | - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ ≥80%; | - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động phù hợp với điều kiện địa hình, thủy văn, tập quán canh tác địa phương | |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| | | | - Có áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị | - Có áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực | | |
| | | 2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ | Đánh giá mức "Tốt" khi: đảm bảo đảm bảo tất cả các yêu cầu bắt buộc và kết quả chấm điểm đạt từ 85 điểm trở lên theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đánh giá mức "Khá" khi: đảm bảo đảm bảo tất cả các yêu cầu bắt buộc và kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm đến dưới 85 điểm theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đánh giá mức "Đạt" khi: đảm bảo đảm bảo tất cả các yêu cầu bắt buộc và kết quả chấm điểm đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT của Bộ | Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| | | 2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định | ≥99% | ≥99% | ≥98% | Sở Công thương |
| | | 2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn | Có chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định hoặc có siêu thị hạng 3 trở lên | Có chợ đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm hoặc có ít nhất một khu vực kinh doanh đáp ứng yêu cầu đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ hoặc có siêu thị mini trở lên | Có chợ phù hợp với quy hoạch hoặc có cơ sở bán lẻ khác phù hợp | Sở Công thương |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| | | 2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất | - Tất cả các thôn trên địa bàn xã có khả năng tiếp cận, sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại: trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet: trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất. | | | Sở Khoa học và Công nghệ |
| | | | - Dịch vụ viễn thông, Internet trên địa bàn các thôn thuộc xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành. | | | |
| 3 | Phát triển kinh tế nông thôn | 3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người | ≥9,5% | ≥9,5% | ≥9,5% | Thống Kê tỉnh |
| | | 3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm | Đạt | Đạt | Đạt | Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| | | 3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả | Có ít nhất 03 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc 01 mô hình kinh tế xanh hoặc 01 mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả | | Có ít nhất 01 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc 01 mô hình kinh tế xanh hoặc 01 mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả | Sở Nông nghiệp và Môi trường |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| | | 3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương | - Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026-2030; | | - Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026-2030; | Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| | | | - Có ít nhất 1 sản phẩm OCOP 4 sao còn thời hạn, hoặc ít nhất 02 sản phẩm OCOP 3 sao còn thời hạn và có lộ trình cụ thể trong kế hoạch để phát triển ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên; | | - Có sản phẩm OCOP 3 sao trở lên; | |
| | | | - Tỷ lệ chủ thể OCOP là hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa; chủ thể là phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) phù hợp. | | - Tỷ lệ chủ thể OCOP là hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa; chủ thể là phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) phù hợp. | |
| | | 3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương | - 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP; | | - 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP. Trong đó, ít nhất 01 điểm du lịch đặc trưng, thể hiện bản sắc độc đáo của xã được công nhận sản phẩm OCOP; | Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| | | | - Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá). | | - Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá). | |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| | | 3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả | Xã đạt nội dung tiêu chí 3.6 khi có tối thiểu 01 hợp tác xã đạt các yêu cầu sau: | | | Sở Tài chính |
| | | | (1) Tổ chức, hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành; | | | |
| | | | (2) Kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính của hợp tác xã trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; | | | |
| | | | (3) Có tối thiểu 01 loại sản phẩm, dịch vụ cung ứng cho thành viên chính thức phù hợp với từng loại hình hợp tác xã; | | | |
| | | | (4) Có quy mô thành viên đủ lớn theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh; số lượng thành viên trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới tăng tối thiểu 5%/năm (hoặc 10 thành viên/năm). | | | |
| | | 3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả | Không quy định | ≥01 tổ | ≥01 tổ | Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| | | | | (trong đó điểm đánh giá hiệu quả của tổ khuyến nông cộng đồng đạt từ 70 điểm trở lên) | (trong đó điểm đánh giá hiệu quả của tổ khuyến nông cộng đồng đạt từ 60 điểm trở lên) | |
| | | 3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định | ≥60% | ≥50% | ≥40% | Hội Nông dân tỉnh |
| | | 3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương | - Xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn; hoặc tổ chức triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; | | | Sở Tài chính |
| | | | - Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh thành lập mới tăng trung bình từ 10% trở lên trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; | | | |
| | | | - Số lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh tăng từ 5% trở lên so với năm trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. | | | |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| | | 3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật | Có ít nhất 01 khu công nghiệp hoặc 01 cụm công nghiệp hoặc 01 làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật | | | |
| | | a) Khu công nghiệp đáp ứng yêu cầu | - Được quy hoạch trên địa bàn xã hoặc liên xã phù hợp với phương hướng phát triển các khu chức năng trong quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch; | | | Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh |
| | | | - Khu công nghiệp đã được thành lập theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh tế và pháp luật có liên quan; | | | |
| | | | - Khu đất thực hiện đầu tư khu công nghiệp đã được Nhà nước thu hồi và bàn giao cho đơn vị sự nghiệp công lập hoặc nhà đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai. | | | |
| | | b) Cụm công nghiệp đáp ứng các yêu cầu | - Cụm công nghiệp có trong Danh mục các cụm công nghiệp thuộc Quy hoạch/Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật có liên quan; | | - Cụm công nghiệp có trong Danh mục các cụm công nghiệp thuộc Quy hoạch/Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật có liên quan; | Sở Công Thương |
| | | | - Cụm công nghiệp được thành lập, mở rộng theo quy định của pháp luật về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; | | - Cụm công nghiệp được thành lập, mở rộng theo quy định của pháp luật về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; | |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| | | | - Cụm công nghiệp được đầu tư xây dựng bảo đảm đáp ứng các quy định của pháp luật. | | - Thực hiện công tác quản lý cụm công nghiệp theo quy định. | |
| | | c) Làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật | - Có ít nhất 01 làng nghề hoặc làng nghề truyền thống được UBND cấp tỉnh công nhận; | - Có ít nhất 01 làng nghề hoặc làng nghề truyền thống được UBND cấp tỉnh công nhận; | - Có ít nhất 01 làng nghề hoặc làng nghề truyền thống được UBND cấp tỉnh công nhận; | Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| | | | - Có khu vực sản xuất dịch vụ đáp ứng các yêu cầu sau đây: | - Có khu vực sản xuất dịch vụ đáp ứng các yêu cầu sau đây: | - Có khu vực sản xuất dịch vụ đáp ứng các yêu cầu sau đây: | |
| | | | + Về quy hoạch: có quy hoạch chi tiết cho khu vực sản xuất, dịch vụ và được xác định rõ trong quy hoạch chung của xã hoặc cụm công nghiệp làng nghề được cấp có thẩm quyền phê duyệt; | + Về quy hoạch: được xác định rõ trong quy hoạch chung của xã, có văn bản phê duyệt vị trí, diện tích đất sản xuất/dịch vụ của cấp có thẩm quyền; | + Về quy hoạch: phù hợp với quỹ đất của địa phương, ưu tiên tận dụng các mặt bằng sẵn có. Quy mô có thể nhỏ nhưng phải đảm bảo không xâm phạm đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; | |
| | | | + Về hạ tầng: 100% đường giao thông được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo xe trọng tải lớn lưu thông; tuân thủ quy định về phòng cháy chữa cháy; hệ thống điện lưới đáp ứng yêu cầu sản xuất và đảm bảo theo quy định; có hệ thống nước sạch; có hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn theo quy định về môi trường; | + Về hạ tầng: có đường giao thông thuận tiện kết nối với trục chính của xã/tỉnh; hạ tầng điện lưới đáp ứng công suất sản xuất; có hệ thống nước sạch; có khu tập kết rác thải; có hệ thống mương/cống thoát nước thải chung đảm bảo quy định về môi trường; | + Về hạ tầng: đảm bảo điều kiện tối thiểu về giao thông (xe cơ giới đi lại thuận tiện) và điện, nước phục vụ sản xuất. Việc xử lý môi trường có thể áp dụng các mô hình bán tập trung hoặc tại chỗ nhưng phải đảm bảo vệ sinh. | |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| | | | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy. | | |
| 4 | Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn | 4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ | ≥40% | ≥35% | ≥27% | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| | | 4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông | ≥60% | ≥50% | ≥40% | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 5 | Văn hóa, Giáo dục, Y tế | 5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa | Xã Đạt tiêu chí 5.1. Về phát triển văn hóa, khi đáp ứng các yêu cầu sau: | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| | | (1) Cơ sở vật chất văn hoá, thể thao | - Có thiết chế văn hoá- thể thao, thư viện công cộng xã đạt chuẩn.<br>- 100% thôn, bản có Nhà văn hóa, trong đó ≥70% đạt chuẩn.<br>- 100% thôn, bản có điểm sinh hoạt cộng đồng được lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em. | - Có thiết chế văn hoá - thể thao, thư viện công cộng xã đạt chuẩn.<br>- 100% thôn, bản có Nhà văn hóa, trong đó ≥70% đạt chuẩn.<br>- ≥80% thôn, bản có điểm sinh hoạt cộng đồng được lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em | - Có thiết chế văn hoá- thể thao, thư viện công cộng xã đạt chuẩn.<br>-100% thôn, bản có nhà văn hoá, trong đó ≥70% đạt chuẩn.<br>- ≥70% thôn, bản có điểm sinh hoạt cộng đồng được lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| | | (2) Hoạt động văn hoá cơ sở | Thiết chế văn hoá, thể thao, thư viện xã; thôn, bản hoạt động thường xuyên, hiệu quả | Thiết chế văn hoá, thể thao, thư viện xã; thôn, bản hoạt động thường xuyên, hiệu quả | Thiết chế văn hoá, thể thao, thư viện xã; thôn, bản hoạt động thường xuyên, hiệu quả | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| | | (3) Xây dựng đời sống văn hoá cơ sở | - ≥80% thôn, bản đạt danh hiệu văn hóa. | ≥78% thôn, bản đạt danh hiệu văn hóa. | ≥78% thôn, bản đạt danh hiệu văn hóa. | |
| | | | - 100% hương ước, quy ước được xây dựng, thực hiện đúng quy định. | - 100% hương ước, quy ước được xây dựng, thực hiện đúng quy định. | - 100% hương ước, quy ước được xây dựng, thực hiện đúng quy định. | |
| | | | - 100% lễ hội truyền thống trên địa bàn được bảo tồn, phục dựng và tổ chức đáp ứng điều kiện về môi trường văn hoá, hướng tới phát triển du lịch. | - 100% lễ hội truyền thống trên địa bàn được bảo tồn, phục dựng và tổ chức đáp ứng điều kiện về môi trường văn hoá, hướng tới phát triển du lịch. | - 100% lễ hội truyền thống trên địa bàn được bảo tồn, phục dựng và tổ chức đáp ứng điều kiện về môi trường văn hoá, hướng tới phát triển du lịch. | |
| | | | - Có mô hình phòng chống bạo lực gia đình hoạt động hiệu quả; ≥98% vụ bạo lực gia đình được phát hiện, xử lý theo quy định của pháp luật. | - Có mô hình phòng chống bạo lực gia đình hoạt động hiệu quả; ≥95% vụ bạo lực gia đình được phát hiện, xử lý theo quy định của pháp luật. | - Có mô hình phòng chống bạo lực gia đình hoạt động hiệu quả; ≥93% vụ bạo lực gia đình được phát hiện, xử lý theo quy định của pháp luật. | |
| | | (4) Di sản văn hoá | - 100% di tích cấp quốc gia trên địa bàn (nếu có) được quy hoạch, có chương trình giáo dục di sản văn hoá, 70% được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị. | - 100% di tích cấp quốc gia trên địa bàn (nếu có) được quy hoạch, có chương trình giáo dục di sản văn hoá, 70% được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị. | - 100% di tích cấp quốc gia trên địa bàn (nếu có) được quy hoạch, có chương trình giáo dục di sản văn hoá, 70% được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị. | |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| | | | - Cộng đồng, chủ sở hữu di sản văn hoá trên địa bàn (nếu có) được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá. | - Cộng đồng, chủ sở hữu di sản văn hoá trên địa bàn (nếu có) được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá. | - Cộng đồng, chủ sở hữu di sản văn hoá trên địa bàn (nếu có) được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| | | | - Di sản văn hoá phi vật thể của địa phương (nếu có) được thực hành truyền dạy trong cộng đồng với sự tham gia của Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, Nghệ nhân, người thực hành và cộng đồng chủ thể di sản. | - Di sản văn hoá phi vật thể của địa phương (nếu có) được thực hành truyền dạy trong cộng đồng với sự tham gia của Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, Nghệ nhân, người thực hành và cộng đồng chủ thể di sản. | - Di sản văn hoá phi vật thể của địa phương (nếu có) được thực hành truyền dạy trong cộng đồng với sự tham gia của Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, Nghệ nhân, người thực hành và cộng đồng chủ thể di sản. | |
| | | (5) Chuyển đổi số, dữ liệu số | - Có hoạt động quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp về văn hoá, nghệ thuật cấp xã được tin học hoá, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ. | - Có hoạt động quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp về văn hoá, nghệ thuật cấp xã được tin học hoá, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ. | - Có hoạt động quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp về văn hoá, nghệ thuật cấp xã được tin học hoá, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ. | |
| | | | - Xã có hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và 100% thôn, bản có cụm phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viên thông hoạt động. | - Xã có hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và 100% thôn, bản có cụm phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viên thông hoạt động. | - Xã có hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và 100% thôn, bản có cụm phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viên thông hoạt động. | |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| | | (6) Nhân lực quản lý văn hoá | - 100% cán bộ nghiệp vụ, cộng tác viên, người tổ chức hoạt động của thiết chế văn hoá, thể thao, thư viện cấp xã được đào tạo, bồi được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ. | - 100% cán bộ nghiệp vụ, cộng tác viên, người tổ chức hoạt động của thiết chế văn hoá, thể thao, thư viện cấp xã được đào tạo, bồi được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ. | - 100% cán bộ nghiệp vụ, cộng tác viên, người tổ chức hoạt động của thiết chế văn hoá, thể thao, thư viện cấp xã được đào tạo, bồi được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| | | | - 100% người quản lý trực tiếp di sản văn hoá trên địa bàn xã được tập huấn về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá. | - 100% người quản lý trực tiếp di sản văn hoá trên địa bàn xã được tập huấn về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá. | - 100% người quản lý trực tiếp di sản văn hoá trên địa bàn xã được tập huấn về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá. | |
| | | 5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục | Xã Đạt tiêu chí 5.2. Về phát triển giáo dục, khi đáp ứng các yêu cầu sau: | | | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| | | (1) Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia | 90% | 80% | 70% | |
| | | (2) Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi | Đạt | Đạt | Đạt | |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| | | (3) Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi | Đạt | Đạt | Đạt | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| | | (4) Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở | Đạt | Đạt | Đạt | |
| | | (5) Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương | 90% | 85% | 80% | |
| | | (6) Tỷ lệ học sinh hoàn thành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác | 90% | 85% | 80% | |
| | | (7) Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số | Đạt | Đạt | Đạt | |
| | | (8) Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 | Đạt | Đạt | Đạt | |
| | | 5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế | Đạt | Đạt | Đạt | Sở Y tế |
| | | 5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội | Đạt | Đạt | Đạt | Sở Y tế |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| 6 | Giảm nghèo và An sinh xã hội | 6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều | ≤2% | ≤5% | ≤13% | Sở nông nghiệp và Môi trường |
| | | 6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố | ≥95% | ≥85% | ≥75% | Sở Xây dựng |
| | | 6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn | ≥80% | ≥70% | ≥40% | Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| | | | (trong đó có ít nhất 40% từ công trình cấp nước tập trung) | (trong đó có ít nhất 35% từ công trình cấp nước tập trung) | (trong đó có ít nhất 20% từ công trình cấp nước tập trung) | |
| | | 6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn "5 không, 3 sạch, 3 an | Đạt | Đạt | Đạt | Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh |
| | | 6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới | - Có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Đảng uỷ hoặc có ít nhất 01 nữ lãnh đạo ở cấp xã. Nữ lãnh đạo ở cấp xã bao gồm: Bí thư Đảng ủy, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý là nữ ở cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 25% trở lên; | | | Sở Nội vụ |
| | | | - Các mô hình phát triển kinh tế ở nông thôn (hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực…) có ít nhất 40% phụ nữ tham gia; | | | |
| | | | - Mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở và lịch đăng tải/phát sóng được lưu đầy đủ; | | | |
| | | | - Có ít nhất 01 nơi tạm lánh hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình ở cấp xã, do địa phương bố trí ở địa điểm phù hợp; | | | |
| | | | - Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn | | | |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| | | 6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có) | Đạt | Đạt | Đạt | Sở Y tế |
| | | | (trong đó 95% số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp) | (trong đó 95% số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp) | (trong đó 90% số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp) | |
| | | 6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm | 100% | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| | | | số hộ gia đình, cơ sở kinh doanh thực phẩm tại địa bàn xã tuân thủ quy định các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | | | |
| 7 | Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số | 7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn | Đạt | Đạt | Đạt | Sở Khoa học và Công nghệ |
| | | 7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường | Đạt tiêu chí 7.2. khi đáp ứng các yêu cầu sau: | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| | | (1) Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã (tại xã) được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc đạt tỷ lệ ≥70% | ≥95% | ≥85% | ≥70% | |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| | | (2) Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ. | 100% | 100% | 100% | Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| | | (3) Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường của xã đạt 100%. | Đạt | Đạt | Đạt | |
| | | 7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử | Đảm bảo đạt các nội dung: Có năng lực và kỹ năng số; hệ sinh thái cộng đồng thương mại điện tử địa phương; mức độ triển khai hoạt động thương mại điện tử | | Không quy định | Sở Công thương |
| | | 7.4. Có mô hình thôn thông minh | Có ít nhất 1 mô hình thôn thông minh, đảm bảo các yêu cầu sau: | | Không quy định | Sở Khoa học và Công nghệ |
| | | | - Bảo đảm 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận cáp quang khi có nhu cầu với 90% người sử dụng có thể truy nhập internet cố định, tốc độ trung bình tối thiểu 200Mb/s. | | | |
| | | | - Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số trên địa bàn; | | | |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| | | | - Có điểm truy cập số cố định: Nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng tại thôn có kết nối internet cáp quang băng rộng; | | Không quy định | Sở Khoa học và Công nghệ |
| | | | - Tối thiểu 90% số thuê bao sử dụng điện thoại thông minh trên tổng số thuê bao điện thoại di động trên địa bàn thôn; | | | |
| | | | - Có thành lập tổ công nghệ số cộng đồng. Người dân trong thôn được phổ biến, tập huấn kỹ năng số tối thiểu 01 lần/năm. | | | |
| 8 | Môi trường và cảnh quan nông thôn | 8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh | Đạt tiêu chí 8.1 khi đáp ứng các yêu cầu sau: | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| | | | - Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với các nội dung: Đối với chất thải rắn sinh hoạt; đối với CTR công nghiệp thông thường; đối với chất thải nguy hại (CTNH); đối với bãi chôn lấp, khu xử lý CTR tập trung trên địa bàn (nếu có); quy định về quản lý CTR (nếu có). | | | |
| | | | - Tỷ lệ CTRSH phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và các tổ chức khác trên địa bàn xã được phân loại, thu gom, xử lý đạt từ 80% trở lên. | | | |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| | | | - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp tại các bãi chôn lấp mà chưa qua xử lý bằng các biện pháp, công đoạn xử lý chất thải khác (bao gồm cả sơ chế, tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng) đạt bằng hoặc dưới 50% tổng lượng CTR phát sinh trên địa bàn xã; CTRSH cần được thu gom trên địa bàn, phân loại, thu hồi, tái chế và chuyển giao về xử lý tại cơ sở đáp ứng yêu cầu về BVMT; chất thải tại cơ sở xử lý được xử lý bằng công nghệ phù hợp, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường; ưu tiên công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường; bảo đảm tỷ lệ CTRSH được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp đáp ứng mục tiêu về quản lý tổng hợp CTR theo quy định của pháp luật. | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| | | 8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón | ≥90% | ≥90% | ≥90% | Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| | | 8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường | 100% | 100% | 100% | Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| | | 8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường | Có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường. | | | Sở Xây dựng |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| | | | - Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt ≥50%. | Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt ≥50%. | | Sở Xây dựng |
| | | | - Có ít nhất 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung. | | | |
| | | 8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn | Có phương án và tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn phù hợp với đặc điểm kinh tế, sinh thái, văn hóa của địa phương, có sự tham gia của cộng đồng, lồng ghép trong quy ước, hương ước, cụ thể: Đối với hệ thống cây xanh; Đối với hệ thống ao, hồ; Đối với đường làng, ngõ xóm; Đối với khu vực công cộng. | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| 9 | Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công | 9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | Đạt | Đạt | Đạt | Sở Nội vụ |
| | | 9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt ≥90% | Đạt tiêu chí 9.2 khi đáp ứng các yêu cầu sau: | | | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh |
| | | | - Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, khi đáp ứng các nhóm tiêu chí: Nhóm tiêu chí về công khai, minh bạch; nhóm tiêu chí về tiếp nhận, giải quyết TTHC; nhóm tiêu chí về bố trí điều kiện bảo đảm; nhóm tiêu chí về đánh giá chất lượng; nhóm tiêu chí về xử lý phản ánh, kiến nghị và vi phạm. | | | |
| | | | - Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt ≥90%. | | | |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| 10 | Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng | 10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật | Đạt | Đạt | Đạt | Sở Tư pháp |
| | | 10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động | Đạt | Đạt | Đạt | Công an tỉnh |
| | | 10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã | Đạt tiêu chí 10.3. khi đáp ứng các yêu cầu sau: | | | Công an tỉnh |
| | | | - Có hồ sơ xây dựng hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã. | | | |
| | | | - Hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật, quy định. | | | |
| | | | - Hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã phải phát huy vai trò hiệu quả trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn; hỗ trợ kiềm chế, kéo giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội, tai nạn giao thông, cháy nổ so với cùng kỳ năm trước trên địa bàn. | | | |
| | | 10.4. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng | Đạt tiêu chí 10.4. khi đạt yêu cầu các nội dung: | | | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh |
| | | | - Xây dựng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; | | | |
| | | | - Tổ chức xây dựng, huyến luyện, hoạt động của lực lượng dân quân cấp xã; | | | |
| | | | - Thực hiện các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng; | | | |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đối với từng nhóm xã | | | Đơn vị phụ trách |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xã nhóm 1 | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 | |
| | | | - Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng; quốc phòng với kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp xã; | | | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh |
| | | | - Thực hiện chế độ, chính sách; giải quyết khiếu nại, tố cáo; | | | |
| | | | - Công tác tuyên truyền, thi đua, khen thưởng. | | | |